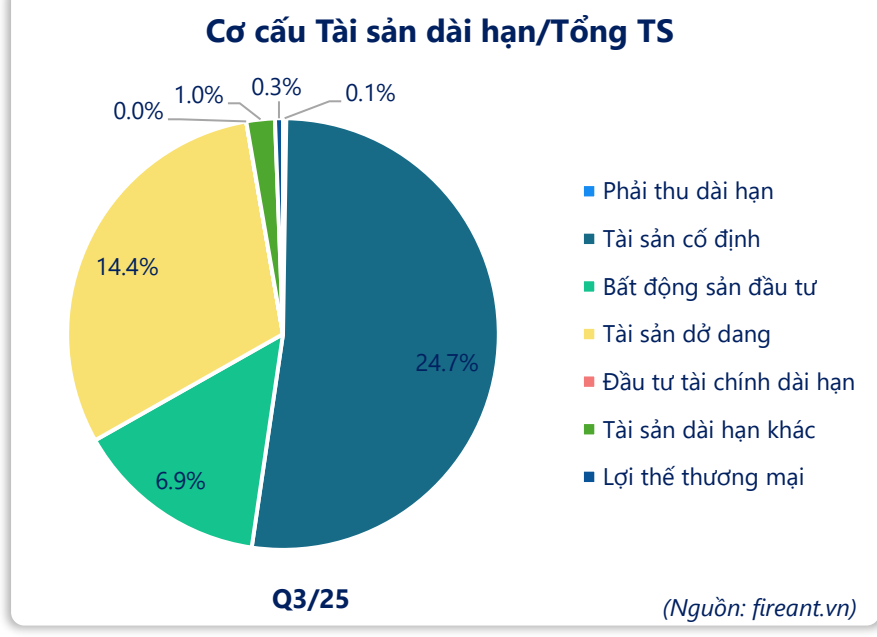
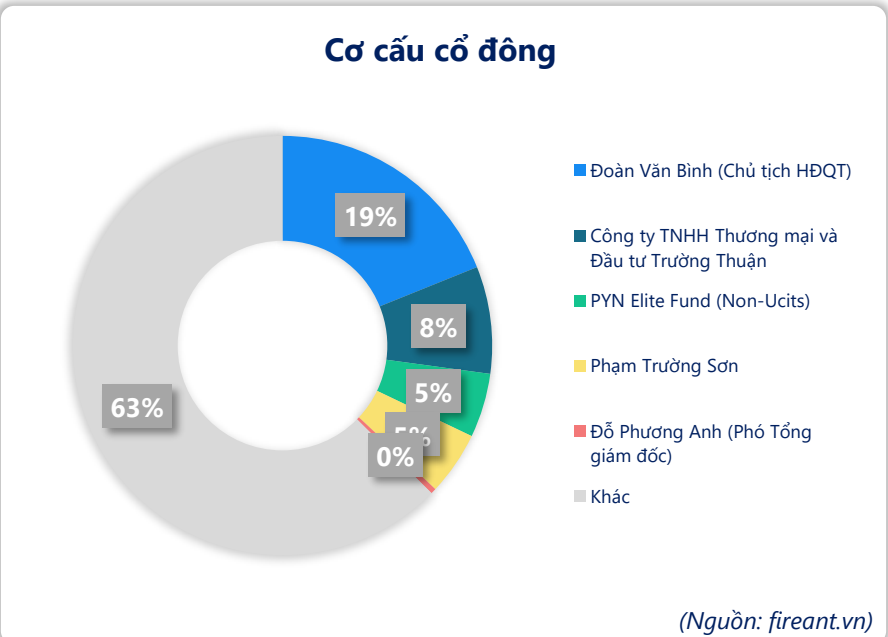
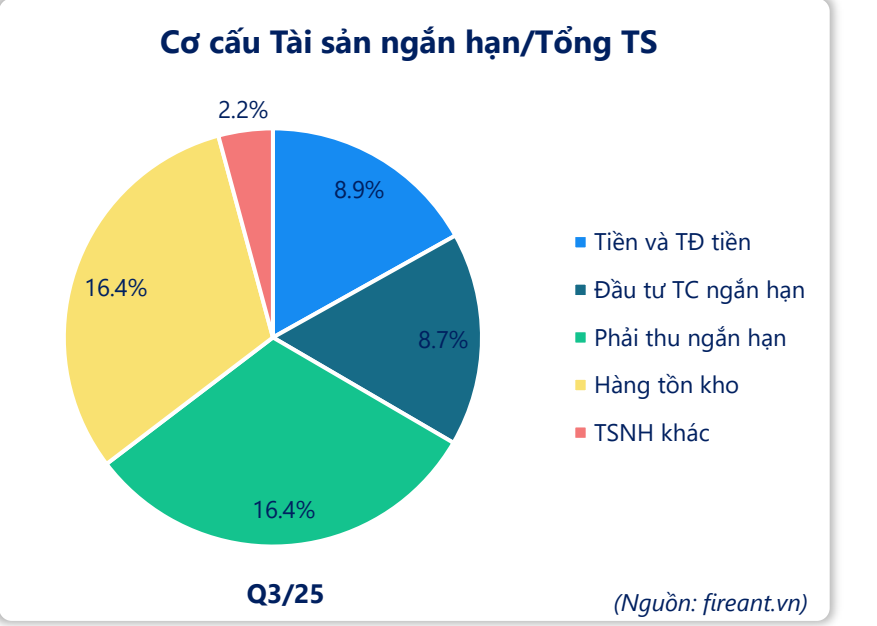
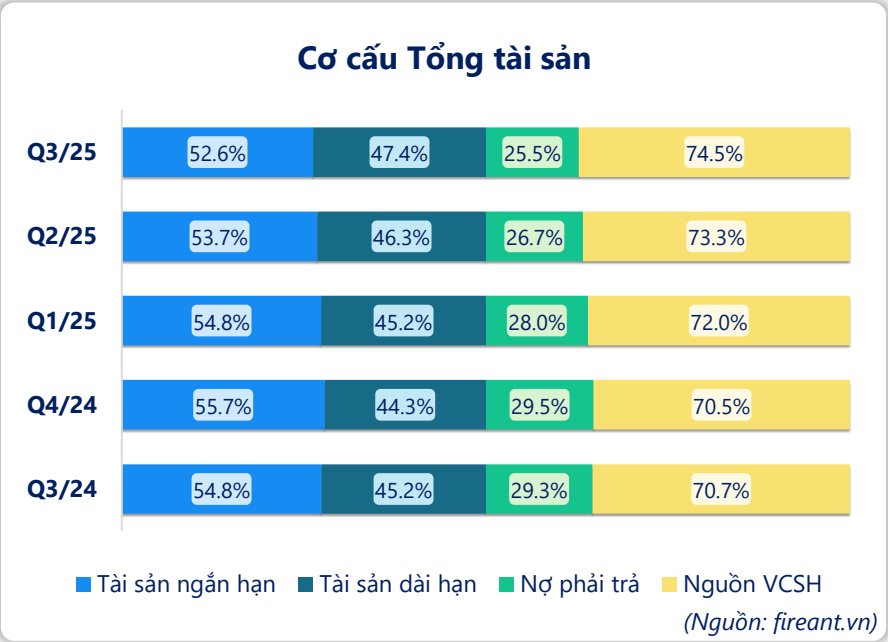
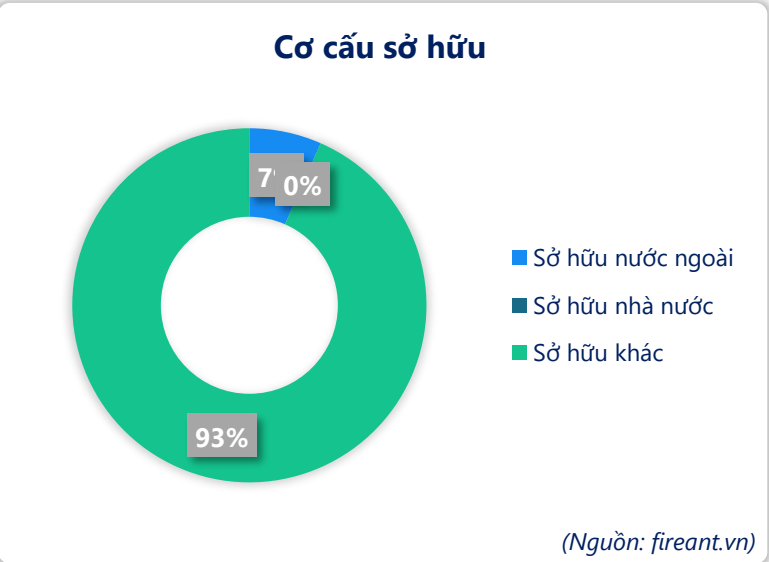
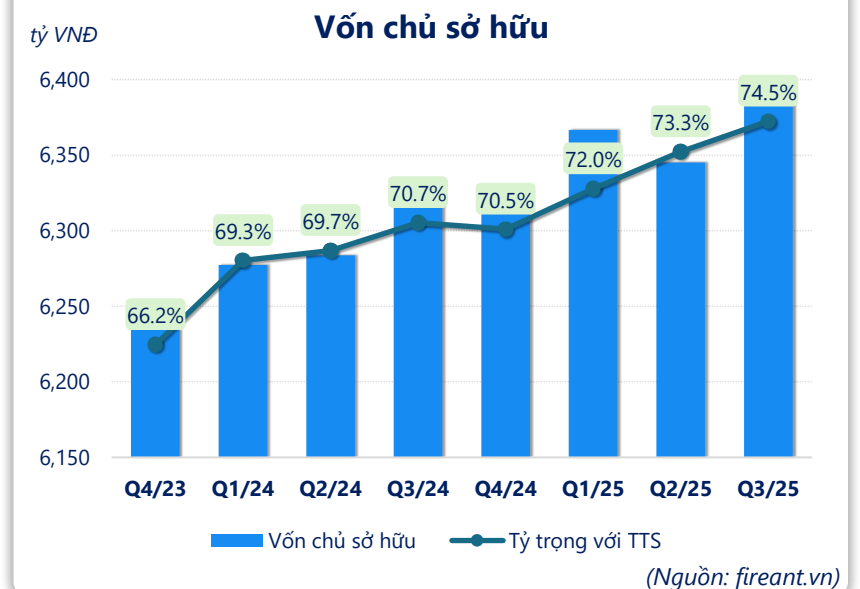
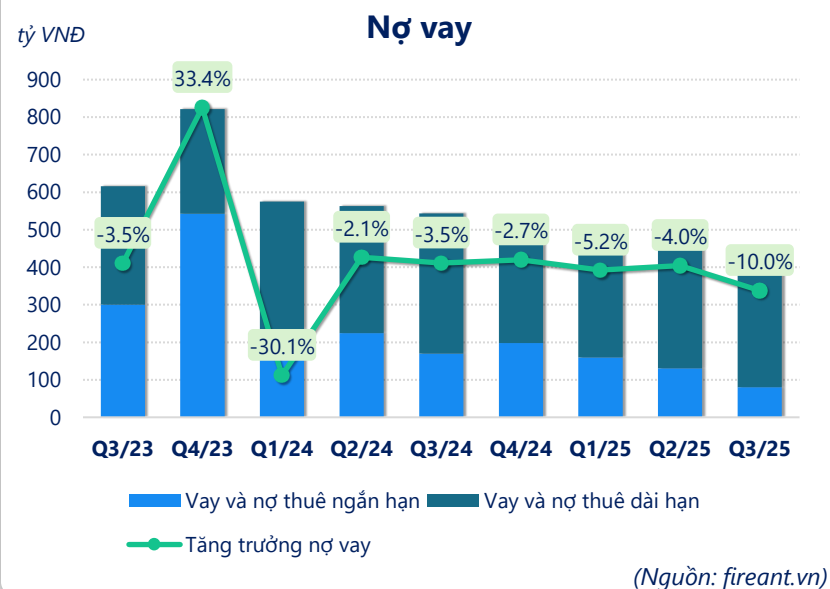
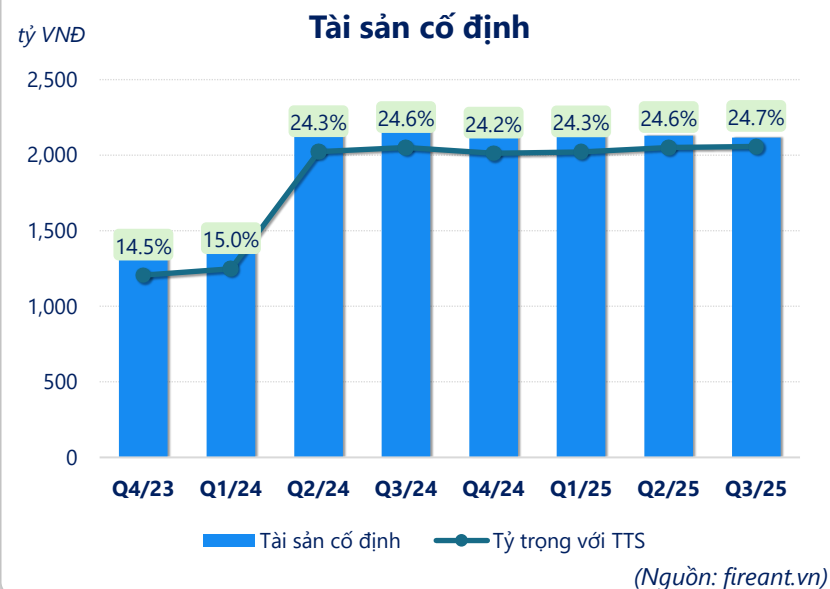
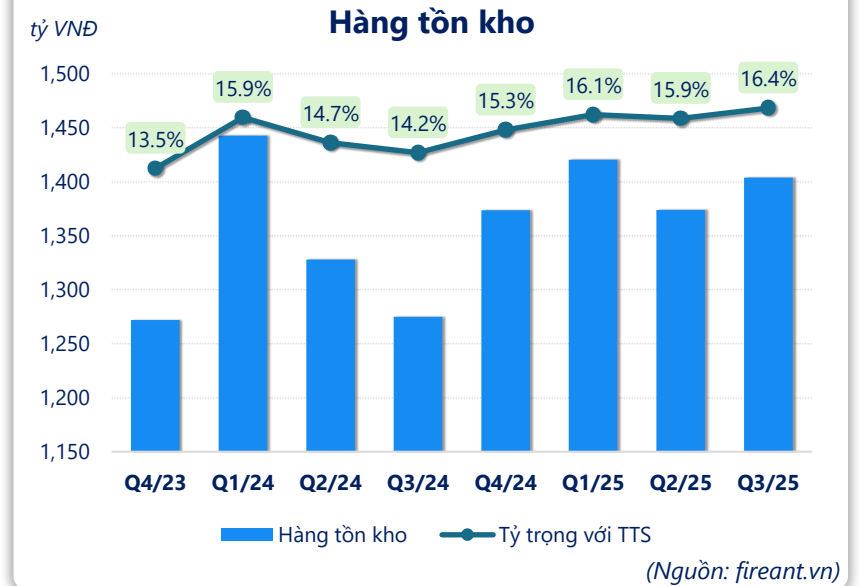
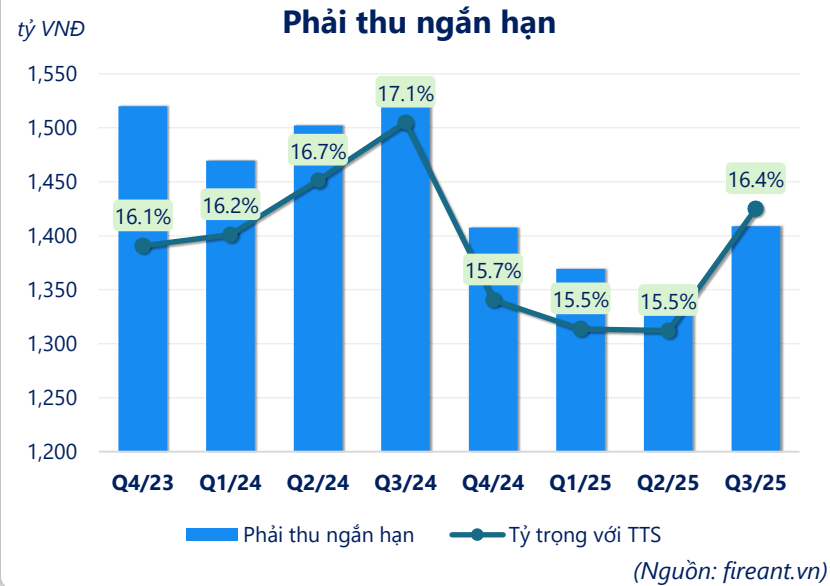
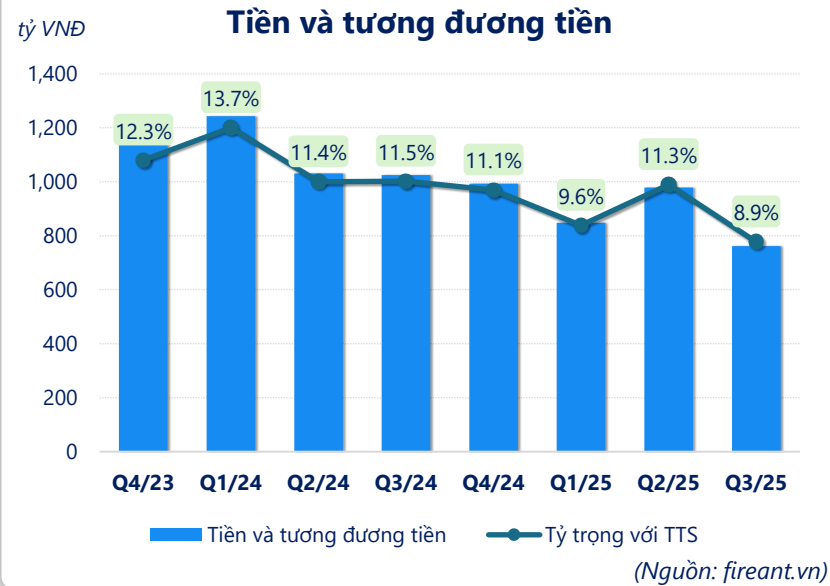
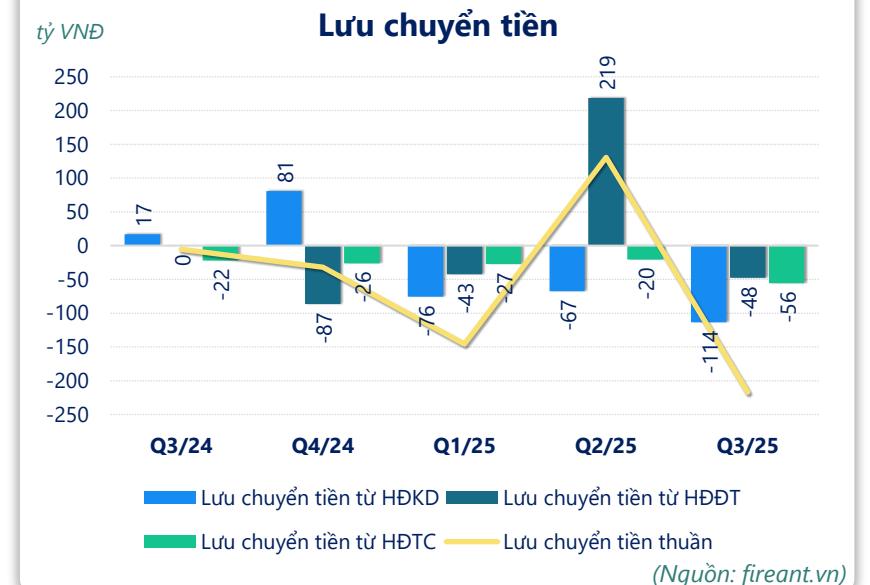
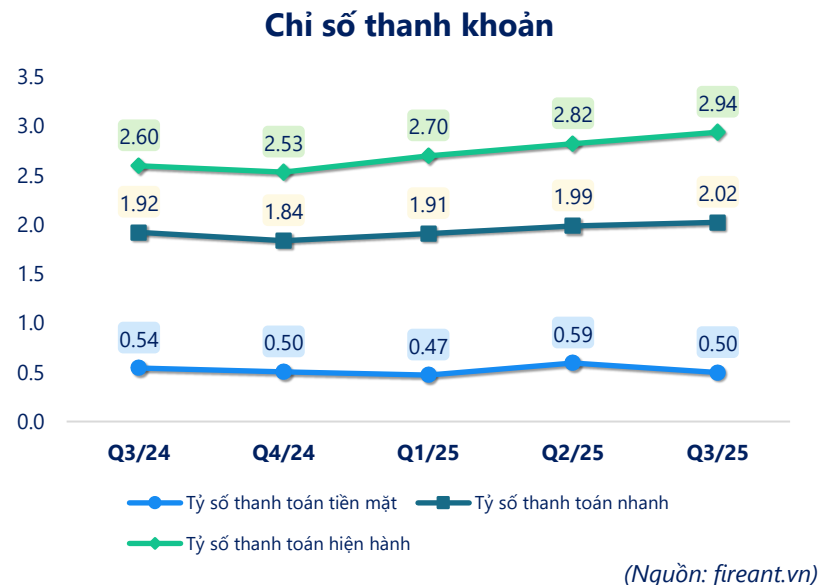
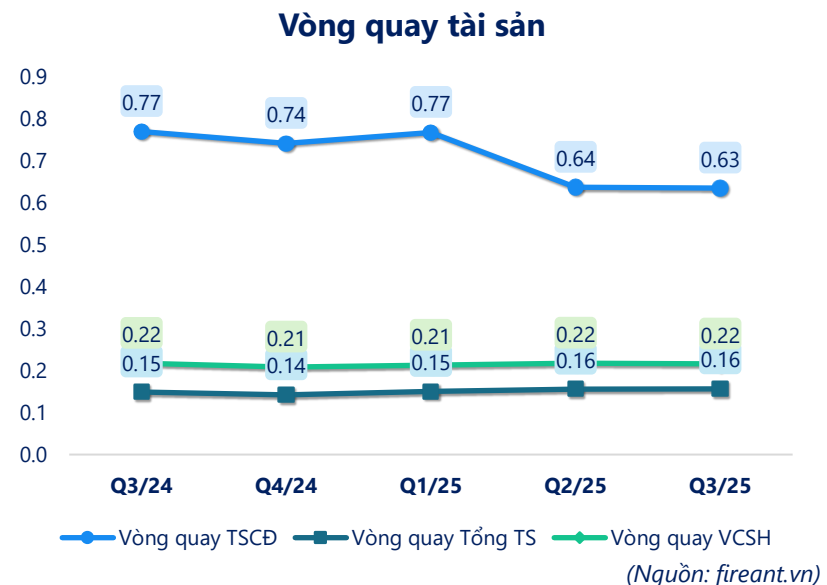
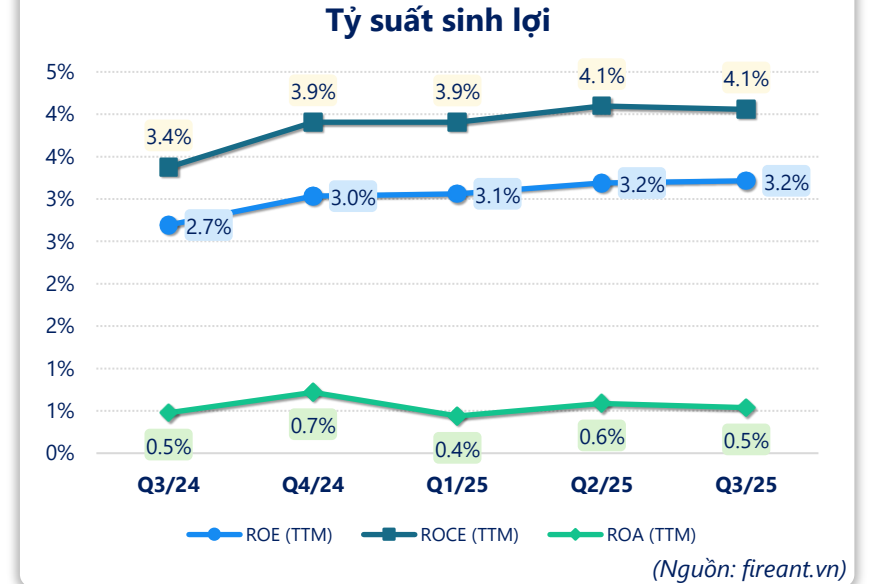
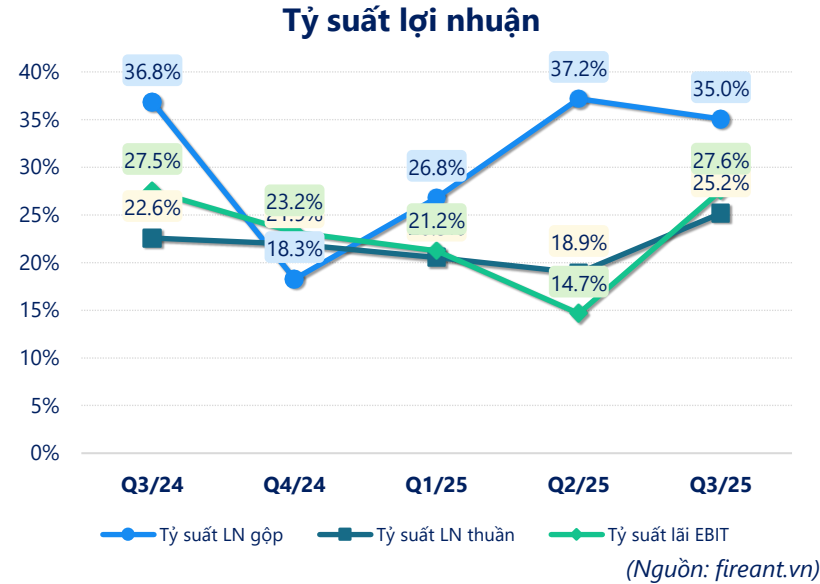
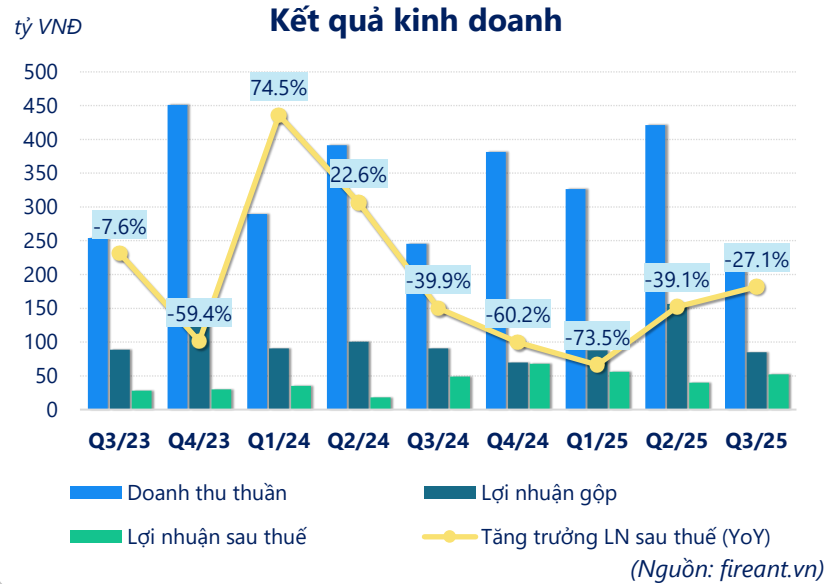


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		25,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,822
SL cổ phiếu LH		567,416,075
KLGD BQ 20 phiên (CP)		19,652,735
% sở hữu nước ngoài		6.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		14,469
P/E		70.8
EPS		360

	YTD	1T	3T	6T
CEO	101.1%	-2.7%	52.8%	85.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	8,575	8,958	-4.3%
Tài sản ngắn hạn	4,509	4,991	-9.7%
Tiền và tương đương tiền	762	993	-23.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	745	1,006	-25.9%
Phải thu ngắn hạn	1,409	1,402	0.5%
Hàng tồn kho	1,404	1,376	2.0%
Tài sản ngắn hạn khác	190	214	-11.5%
Tài sản dài hạn	4,066	3,966	2.5%
Phải thu dài hạn	9.95	9.95	0.0%
Tài sản cố định	2,117	2,159	-1.9%
Bất động sản đầu tư	589	602	-2.1%
Tài sản dở dang	1,238	1,078	14.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.10	0	
Tài sản dài hạn khác	86.7	80.7	7.4%
Lợi thế thương mại	24.2	37.2	-35.0%
Nợ phải trả	2,190	2,645	-17.2%
Nợ ngắn hạn	1,535	1,966	-21.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	80.0	193	-58.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	208	220	-5.3%
Nợ dài hạn	655	679	-3.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	353	335	5.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	6,385	6,312	1.1%
Vốn chủ sở hữu	6,385	6,312	1.1%
Vốn điều lệ	5,674	5,404	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	245	382	326	421	242
Giá vốn hàng bán	155	312	239	265	157
Lợi nhuận gộp	90.4	69.7	87.5	157	84.8
Doanh thu HĐTC	10.5	38.4	14.9	20.8	15.5
Chi phí TC	8.01	7.56	7.42	6.78	6.61
Chi phí lãi vay	7.99	7.20	7.41	6.55	6.51
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	12.9	5.32	7.28	19.4	9.03
Chi phí QLDN	24.6	11.6	20.7	71.6	23.8
LN thuần từ HĐKD	55.4	83.7	67.0	79.7	60.9
Lợi nhuận khác	4.13	-2.41	-5.16	-24.5	-0.74
LN trước thuế	59.6	81.3	61.8	55.2	60.2
Lợi nhuận sau thuế	48.8	67.8	56.1	39.6	52.2
LNST của CĐ cty mẹ	44.2	66.0	39.3	51.8	47.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.7	80.7	-75.7	-67.4	-114
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.20	-86.7	-42.6	219	-47.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-21.9	-26.1	-27.2	-20.5	-55.6
Tiền đầu kỳ	1,031	1,025	993	848	979
Lưu chuyển tiền thuần	-5.39	-32.1	-146	131	-217
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.07	0.11	0.11	-0.04	-0.17
Tiền cuối kỳ	1,025	993	848	979	762

(Nguồn: fireant.vn)